

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/ DS-ST

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng
Đức Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP HH

Địa chỉ: Số 54 A, đường NT, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Bùi Đức Q – Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng
2. Ông Lò Hải S, sinh năm 1977 – chức vụ: Chuyên viên cao cấp (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà TNR, số 54A, đường N, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Trinh T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số nhà Q, đường LL, phường LL, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/11/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt TMCP) HH người đại diện trình bày:

Ngày 21/11/2020 bà Nguyễn Thị Trinh T đã ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HATHT với Ngân hàng TMCP HH (viết tắt là MSB) – Chi nhánh Long Biên – Phòng giao dịch Yên Viên. Hai bên thống nhất bà Nguyễn Thị Trinh T vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau:

+ Hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng. Lãi suất: Lãi suất cấp tín dụng áp dụng đối với dư nợ thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, trong đó:

+ Lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi (tức là lãi suất không cố định và có điều chỉnh) được niêm yết công khai tại các điểm giao dịch và trên Website của MSB (www.msb.com.vn). Chủ thẻ chấp thuận rằng MSB có quyền chủ động điều chỉnh lãi suất trong hạn phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của MSB. Trường hợp điều chỉnh lãi suất, MSB sẽ niêm yết công khai tại các điểm giao dịch và trên Website của MSB tối thiểu 7 ngày trước thời điểm điều chỉnh có hiệu lực. Việc chủ thẻ thực hiện giao dịch sau thời điểm hiệu lực của việc điều chỉnh lãi suất được hiểu là chủ thẻ đã chấp thuận áp dụng mức lãi suất sau điều chỉnh đối với toàn bộ dư nợ của thẻ.

+Lãi suất quá hạn là lãi suất cố định và được tính bằng 145% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn nhưng không vượt quá mức trần lãi suất theo quy định của pháp luật (nếu có).

+ Phí: Các loại phí và mức phí, phương thức thanh toán phí và nguyên tắc thu phí liên quan đến việc phát hành và sử dụng Thẻ được niêm yết công khai tại các điểm giao dịch và trên Website của MSB. Trường hợp điều chỉnh các thông tin liên quan đến phí, MSB sẽ niêm yết tối thiểu 7 ngày trước thời điểm việc điều chỉnh có hiệu lực. Việc chủ thẻ thực hiện việc giao dịch sau thời điểm hiệu lực của việc điều chỉnh phí được hiểu là chủ thẻ đã chấp thuận áp dụng các loại phí và mức phí sau điều chỉnh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, MSB đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Trinh T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Việc khách hàng sử dụng tín dụng sau khi được cấp và không có ý kiến với kỳ sao kê đầu tiên vào năm 2020 đồng nghĩa với việc khách hàng chấp thuận hạn mức tín dụng mà MSB cấp cho khách hàng là 200.000.000 đồng, đồng thời bà Nguyễn Thị Trinh T đã liên tục sử dụng thẻ từ đó đến ngày 11/12/2021, do bà Nguyễn

Thị Trịnh T đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Mặc dù MSB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bà T nhưng bà T đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của MSB. Tạm tính đến ngày 22/11/2021 khoản vay bà Nguyễn Thị Trịnh T tại Ngân hàng TMCP HH đã quá hạn, tổng nghĩa vụ nợ phải trả là: Nợ gốc 199.788.000 đồng; Nợ lãi: 12.781.695; Nợ phí: 1.242.404 đồng. Tổng nợ là 213.812.099 đồng. Khoản nợ trên Ngân hàng TMCP HH cam kết chưa chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân nào. Căn cứ thỏa thuận tại khoản 3 điều 16 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT ký ngày 21/11/2020 quy định: Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Vì vậy Ngân hàng TMCP HH đề nghị Tòa án xem xét: Buộc bà Nguyễn Thị Trịnh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP HH toàn bộ dư nợ gốc, lãi vay và phí theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT ký ngày 21/11/2020, số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2021 là 213.812.099 đồng. Kể từ ngày 23/11/2021 bà T tiếp tục phải chịu lãi, phí phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT ký ngày 21/11/2020 cho đến khi bà T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP HH.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không rút đơn khởi kiện, không hòa giải, thỏa thuận được với bị đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T nhiều lần rút tiền và cũng đã thanh toán, từ tháng 8 năm 2021 bà T rút tiền nhưng không trả, số dư nợ gốc là 199.788.000 đồng. Đối với tiền lãi trong hạn, tại thời điểm rút tiền trên, Ngân hàng tính mức lãi áp dụng chung của hệ thống đối với loại thẻ phát hành của chị T là 30%/năm trên khoản dư nợ. Từ ngày chị T rút tiền tính đến ngày 10/12/2021 tiền lãi tính theo mức lãi trong hạn nêu trên, kể từ ngày 11/12/2021 thì tính theo mức lãi quá hạn bằng 145% mức lãi trong hạn. Tổng số tiền lãi từ ngày chị T phát sinh giao dịch rút tiền đến ngày 25/5/2022 là 56.318.408 đồng, ngân hàng đã nộp bảng kê chi tiết tính lãi gửi cho Tòa án. Từ sau ngày 25/5/2022 thì hệ thống Ngân hàng không tính lãi phát sinh đối với dư nợ của chị T, thẻ cũng đã bị khóa. Đối với tiền phí là 1.242.404 đồng đây là khoản phí phạt chậm trả, phí này đã được hai bên thỏa thuận và đã ghi rõ trong biểu phí của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP HH yêu cầu chị Nguyễn Thị Trịnh T phải thanh toán trả số tiền dư nợ gốc: 199.788.000 đồng; lãi đến ngày xét xử là 56.318.408 đồng; phí 1.242.404 đồng. Tổng cộng bằng 257.348.812 đồng. Sau thời điểm xét xử, chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng TMCP HH yêu cầu chị T tiếp tục phải chịu lãi, phí theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn Nguyễn Thị Trịnh T đã được Tòa án gửi, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án đến nay, chị T

không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai nêu quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do, do đó HĐXX xét xử vụ án là đúng quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ điều 26, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; điều 184; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 353, điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị Trịnh T thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP HH số tiền nợ gốc 199.788.000 đồng; Nợ lãi: 56.318.408 đồng; Nợ phí: 1.242.404 đồng. Tổng là 257.348.812 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP HH số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của của Ngân hàng TMCP HH cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/7/2022, ngày 23/7/2022, ngày 30/7/2022 không có lý do, HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án là 3 năm kể từ ngày quyền, nghĩa vụ bị vi phạm. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/12/2021, Ngân hàng TMCP HH đã có đơn khởi kiện tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng đến Tòa án và yêu cầu Tòa án chuyển vụ việc sang Trung tâm hòa giải đối thoại để thực hiện hòa giải đối thoại tuy nhiên bị đơn không đến làm việc nên Tòa án chấm dứt

thủ tục hòa giải đối thoại, chuyển vụ việc sang giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, các đương sự không tự giải quyết được, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Bắc Giang, căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[5]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy, giữa Ngân hàng TMCP HH – Chi nhánh Long Biên - Phòng giao dịch Yên Viên và chị Nguyễn Thị Trinh T, sinh năm: 1985; Số CMND 121555795 do công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 09/11/2020 Địa chỉ thường trú tại số nhà Q, đường LL, phường LL, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT, ngày 21/11/2020 với thỏa thuận trong hợp đồng gồm các nội dung về: hạn mức thẻ tín dụng; lãi suất và phí; sử dụng thẻ, sao kê; Thanh toán; phương thức thanh toán; thứ tự ưu tiên thanh toán; chuyển nợ quá hạn, thu hồi nợ quá hạn; thu hồi nợ trước hạn và các nội dung khác như tạm khóa, chấm dứt sử dụng thẻ, từ chối thanh toán, tra soát, khiếu nại, thẻ phụ. Căn cứ hợp đồng trên và giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng của chị Nguyễn Thị Trinh T, Ngân hàng TMCP HH đã cấp hạn mức tín dụng cho chị Nguyễn Thị Trinh T với hạn mức tối đa là 200.000.000 đồng. Mức lãi suất trong hạn được áp dụng theo quy định tại biểu phí thẻ tín dụng ghi trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng là 30%/năm, lãi suất quá hạn tính bằng 145% mức lãi suất trong hạn.

Về việc rút tiền, thanh toán nợ gốc, lãi: Theo tài liệu, chứng cứ là bản sao kê giao dịch thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng, bảng tính lãi của khách hàng Nguyễn Thị Trinh T do đại diện Ngân hàng TMCP HH cung cấp cho Tòa án cho thấy: Trong thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày 11/8/2021, chị Nguyễn Thị Trinh T đã nhiều lần rút và thanh toán hạn mức tín dụng theo thẻ được cấp. Trong đó số tiền chị T đã rút, chi tiêu là 1.730.000.000 đồng gồm các ngày 14/12/2020, rút 89.500.000 đồng; Ngày 23/12/2020 rút 60.500.000 đồng; Ngày 08/01/2021 rút 69.490.000 đồng; Ngày 11/01/2021 rút 80.510.000 đồng; Ngày 18/1/2021 rút 29.996.000 đồng; Ngày 27/01/2021 rút 14.995.000 đồng; Ngày 01/2/2021 rút 138.560.000 đồng; Ngày 03/2/2021 rút 41.540.000 đồng; Ngày 04/3/2021 rút 68.180.000 đồng; Ngày 5/3/2021 rút 69.750.000 đồng; Ngày 08/3/2021 rút 65.070.000 đồng; Ngày 15/3/2021 rút 2.000.000 đồng; Ngày 12/4/2021 rút 199.980.000 đồng; Ngày 10/5/2021 rút 1.000 đồng; Ngày 11/5/2021 rút 199.981.000 đồng; Ngày 12/5/2021 rút 19.000 đồng; Ngày 14/6/2021 rút 49.813.000 đồng; Ngày 13/7/2021 rút 107.550.000 đồng; Ngày 14/7/2021 rút 92.450.000 đồng; Ngày 09/8/2021 rút 150.020.000 đồng; Ngày

10/8/2021 rút 49.980.000 đồng; Ngày 11/8/2021 rút 1.000 đồng. Số tiền chị T đã thanh toán trả Ngân hàng là 1.530.285.000 đồng, trong đó: Ngày 06/01/2021 thanh toán 69.490.000 đồng; Ngày 07/01/2021 thanh toán 67.520.000 đồng; Ngày 08/01/2021 thanh toán 12.990.000 đồng; Ngày 28/01/2021 thanh toán 69.990.000 đồng; Ngày 29/01/2021 thanh toán 68.570.000 đồng; Ngày 30/01/2021 thanh toán 41.540.000 đồng; Ngày 02/3/2021 thanh toán 63.180.000 đồng; Ngày 03/3/2021 thanh toán 136.820.000 đồng; Ngày 08/4/2021 thanh toán 200.000.000 đồng; Ngày 10/4/2021 thanh toán 180.000 đồng; Ngày 08/5/2021 thanh toán 5.000 đồng; Ngày 09/5/2021 thanh toán 200.000.000 đồng; Ngày 10/6/2021 thanh toán 200.000.000 đồng; Ngày 10/7/2021 thanh toán 80.000.000 đồng; Ngày 11/7/2021 thanh toán 120.000.000 đồng; Ngày 07/8/2021 thanh toán 200.000.000 đồng.

Tính tổng số tiền chị T đã rút trừ đi số tiền đã thanh toán, chị T còn nợ Ngân hàng TMCP HH là 199.788.000 đồng. Đây là khoản tiền chị T rút các ngày 09, 10, 11 tháng 8 năm 2021, sao kê giao dịch cho thấy không phát sinh các giao dịch thanh toán của chị T cho Ngân hàng với số tiền đã rút trên. Chị T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện và giao nộp các tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên chị T không có bất cứ ý kiến nào xác nhận hay phản đối việc khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP HH. Do vậy, căn cứ vào lời khai, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, HĐXX xác định không có chứng cứ nào xác nhận chị T đã thanh toán khoản tiền còn nợ trên, vì vậy Ngân hàng TMCP HH yêu cầu chị T trả khoản nợ gốc 199.788.000 đồng là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Đối với tiền lãi và tiền phí, ngân hàng xác định: Từ ngày 09/8/2021 đến ngày 25/5/2022, chị T nợ tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 56.318.408 đồng, tiền phí là: 1.242.404 đồng, mức lãi suất trong hạn được áp dụng bằng 30% trên dư nợ gốc từ ngày 09/8/2021, 10/8/2021, 11/8/2021 đến ngày 10/12/2021; mức lãi quá hạn áp dụng là 145%/ lãi suất trong hạn trên dư nợ gốc từ ngày 11/12/2021 đến ngày 25/5/2022, phí được áp dụng là phí chậm trả nợ thẻ tín dụng bằng 4%/dư nợ gốc. Xét lời khai của đại diện Ngân hàng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT ngày 21/11/2020 ký kết giữa chị Nguyễn Thị Trinh T và Ngân hàng TMCP HH, biểu phí thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP HH cho thấy giữa chị T và Ngân hàng TMCP HH có thỏa thuận về mức lãi, phí nêu trên. Khi chị T sử dụng thẻ, rút tiền chi tiêu, mức lãi và phí được Ngân hàng áp dụng đúng như biểu phí thẻ tín dụng do Ngân hàng TMCP HH áp dụng chung cho toàn hệ thống. Sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: “2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, HĐXX chấp nhận mức lãi suất, phí Ngân hàng TMCP

HH đã áp dụng và yêu cầu chị T thực hiện. Căn cứ số tiền dư nợ gốc, thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ, số tiền lãi trong hạn tính bằng 20.380.781 đồng, tiền lãi quá hạn tính bằng 35.937.627 đồng, tổng cộng bằng 56.318.408 đồng, tiền phí là 1.242.404 đồng đã được ngân hàng chứng minh, được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc, lãi, phí Ngân hàng TMCP HH khởi kiện được chấp nhận là 257.348.812 đồng, buộc chị Nguyễn Thị Trinh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP HH. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì chị T tiếp tục phải chịu lãi, phí trên dư nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT ngày 21/11/2020 ký kết giữa chị Nguyễn Thị Trinh T và Ngân hàng TMCP HH.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 26, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; điều 157; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 8, điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP HH.

Buộc chị Nguyễn Thị Trinh T phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP HH số tiền gốc là 199.788.000 đồng; Lãi là: 56.318.408 đồng; Phí là: 1.242.404 đồng. Tổng cộng là 257.348.812 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày 31/7/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ, chị Nguyễn Thị Trinh T tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 46/2020/HAHT ký ngày 22/11/2020.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trinh T phải chịu 12.867.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP HH số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.345.000 đồng tại biên lai thu số 0001397 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng